



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006644 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 0304952106) ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2015), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (84) 38305002
- Fax: (84) 38350983
- Website: www.sachhocktro.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2015 là 82 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 20 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|--|
| • Ông Phạm Văn Hồng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15/07/2015 |
| • Ông Xà Thiệu Hoàng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
Miễn nhiệm ngày 15/07/2015 |
| • Bà Lê Phương Mai | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |
| • Ông Nguyễn Minh Khang | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |
| • Bà Hoàng Minh Tâm | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Đặng Thanh Trúc | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |
| • Ông Lê Xuân Huy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Xà Thiệu Hoàng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/12/2014 |
| • Bà Mai Ngọc Liên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2012 |
| • Bà Ngô Trần Nha Thy | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2012 |
| • Bà Lê Phương Mai | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 17/05/2007 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

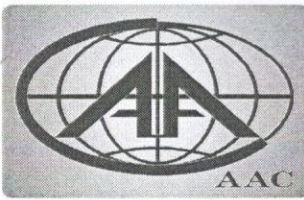
Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Xã Thiệu Hoàng

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016

ADDIT
CÔ
T.
LIÊM T
A
HAI C



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 62/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 01/02/2016, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1


Nguyễn Hữu Hòa - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2274-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		177.388.957.253	136.025.976.947
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		32.711.841.058	11.961.577.149
1. Tiền	111	5	16.505.498.045	11.961.577.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.206.343.013	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.865.127.901	16.989.377.056
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	37.549.700.877	17.633.125.767
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	924.850.000	21.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8a	585.806.656	684.705.336
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.195.229.632)	(1.349.954.047)
IV. Hàng tồn kho	140	10	93.890.216.803	87.596.936.475
1. Hàng tồn kho	141		94.084.000.719	87.702.723.828
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(193.783.916)	(105.787.353)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.921.771.491	19.478.086.267
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11a	12.554.235.453	17.816.499.731
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		367.536.038	1.661.586.536
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.550.866.697	71.050.292.913
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.450.818.698	26.377.448.800
1. Phải thu dài hạn khác	216	8b	26.450.818.698	26.377.448.800
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.106.227.743	5.095.694.113
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.106.227.743	5.095.694.113
- Nguyên giá	222		9.669.338.918	7.856.214.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.563.111.175)	(2.760.519.907)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	31.310.390.256	38.878.680.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		38.108.680.000	38.108.680.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		770.000.000	770.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.568.289.744)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		683.430.000	698.470.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11b	683.430.000	698.470.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		240.939.823.950	207.076.269.860

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		84.085.318.115	79.466.127.028
I. Nợ ngắn hạn	310		84.085.318.115	79.466.127.028
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	28.269.763.291	20.304.061.225
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	2.069.046.886	968.811.474
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.390.285.946	2.370.545.556
4. Phải trả người lao động	314		1.750.595.907	2.249.695.318
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	85.945.427	85.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	16.304.421.284	12.344.271.321
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	25.407.157.043	34.024.305.823
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.808.102.331	7.119.436.311
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		156.854.505.835	127.610.142.832
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	156.854.505.835	127.610.142.832
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	100.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	(71.500.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	55.039.553.352	42.504.399.587
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	20	1.886.452.483	1.886.452.483
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	-	3.219.290.762
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	3.219.290.762
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		240.939.823.950	207.076.269.860



Xà Thiệu Hoàng

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Phương Mai

Người lập

Phạm Lan Anh

TOÁN TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	479.319.068.857	367.319.394.102
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	3.244.174.996	3.121.946.769
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		476.074.893.861	364.197.447.333
4. Giá vốn hàng bán	11	23	372.694.813.444	282.511.929.225
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		103.380.080.417	81.685.518.108
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.702.751.498	365.237.537
7. Chi phí tài chính	22	25	12.957.059.921	5.268.186.636
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.937.061.852	2.800.951.193
8. Chi phí bán hàng	25	26a	30.100.100.883	25.303.348.055
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26b	23.373.880.337	19.622.829.988
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.651.790.774	31.856.390.966
11. Thu nhập khác	31	27	32.792.706	357.490.511
12. Chi phí khác	32		-	49.274.423
13. Lợi nhuận khác	40		32.792.706	308.216.088
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.684.583.480	32.164.607.054
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	8.901.215.242	7.865.353.389
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		29.783.368.238	24.299.253.665
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.755	2.582
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.755	2.582



Xà Thiệu Hoàng

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Phương Mai

Người lập

Phạm Lan Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Năm 2015	Năm 2014
	số	minh	VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		464.500.088.272	379.354.179.566
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(408.913.753.668)	(343.871.573.959)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.407.544.654)	(13.664.924.355)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.851.116.425)	(2.800.951.193)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(9.623.198.281)	(5.477.259.124)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.029.812.331	3.402.952.030
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.173.874.132)	(13.783.767.402)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.560.413.443	3.158.655.563
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12	(1.813.124.898)	(5.284.975.093)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	327.272.727
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.800.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	1.636.624.144	150.411.498
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(176.500.754)	(7.607.290.868)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		19.983.500.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	19	138.166.257.836	171.828.262.928
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(146.783.406.616)	(169.513.283.118)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(633.648.780)	2.314.979.810
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		20.750.263.909	(2.133.655.495)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.961.577.149	14.095.232.644
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		32.711.841.058	11.961.577.149



Tổng Giám đốc

Xà Thiệu Hoàng

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Phương Mai

Người lập

Phạm Lan Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006644 cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 0304952106) ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2015), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 35) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

10/12/2015
T. H.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5
Máy móc, thiết bị	2,5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các

11/11/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

T.N.P.
C.T.QUẢN
U-TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - + Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: áp dụng thuế suất 5%;
 - + Lịch: Áp dụng thuế suất 10%;
 - + Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	551.382.715	977.903.022
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.954.115.330	10.983.674.127
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng	16.206.343.013	-
Cộng	32.711.841.058	11.961.577.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh	1.672.557.462	2.408.280.226
Các đối tượng khác	35.877.143.415	15.224.845.541
Cộng	37.549.700.877	17.633.125.767

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN	1.191.201.735	771.843.301
Công ty CP Sách - Thiết Bị Bến Tre	548.285	2.584.064
Công Ty CP Sách & Thiết Bị Bình Thuận	68.532.359	-
Công Ty CP Sách - TBTH TP.Cần Thơ	-	-
Công Ty CP Sách và TB Trường Học TP. HCM	-	284.911.500
Công ty CP Sách- TBTH Tiền Giang	682.072.450	6.029.400
Công Ty CP Sách - Thiết Bị Vĩnh Long	229.821.727	20.408.781
Cty CP Đầu Tư Và Xuất Bản Giáo Dục	-	9.111.600
Công Ty Cổ Phần Học liệu	-	186.833.025
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Giáo Dục 2	208.685.839	30.188.940
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	4.642.200	-
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	12.747.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà Nẵng	115.467.482	-
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	123.539.000	-
Nhà xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	71.782.500	-
Công ty CP Sách và Thiết bị GD Bình Dương	1.349.813.963	-
Cộng	4.058.854.540	1.311.910.611

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Tạ Viết Quý	-	20.000.000
Cty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	782.500.000	-
CTY TNHH Ô TÔ TOYOTSU SAMCO	109.350.000	-
Các đối tượng khác	33.000.000	1.500.000
Cộng	924.850.000	21.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về thuế TNCN của NLE	585.806.656	-	654.455.336	-
Tạm ứng	-	-	-	-
Phải thu khác	-	-	30.250.000	-
Cộng	585.806.656	-	684.705.336	-

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
NXB Giáo dục Việt Nam (*)	4.100.000.000	4.100.000.000
NXB tại TP.Hồ Chí Minh (**)	22.222.369.898	22.149.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	128.448.800	128.448.800
Cộng	26.450.818.698	26.377.448.800

(*) Là khoản góp vốn với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cho hoạt động xuất bản sách Sách giáo khoa và Sách bổ trợ, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm.

(**) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng góp vốn 03/HĐGVĐT-2011 ngày 29/08/2011. Tại thời điểm 31/12/2015 đã có quyết toán chính thức giá trị công trình, tổng giá trị công trình là: 49.383.044.219 đồng. Trong đó, Công ty đóng góp 45%, tương đương: 22.222.369.898 đồng.

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán:	1.195.229.632	1.349.954.047
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	11.408.131	70.530.578
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	376.364.826	180.979.150
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	108.490.159	495.508.736
- Từ 3 năm trở lên	698.966.516	602.935.583
Cộng	1.195.229.632	1.349.954.047

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	29.486.247.676	-	34.023.535.107	-
Chi phí SX, KD dở dang	17.991.115.675	-	25.149.051.968	-
Thành phẩm	33.114.953.084	193.783.916	23.108.233.042	105.787.353
Hàng hóa	13.491.684.284	-	5.421.903.711	-
Cộng	94.084.000.719	193.783.916	87.702.723.828	105.787.353

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại 31/12/2015 là 322.973.193 đồng.

Giá trị hàng tồn kho cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2015 là 0 đồng.

11. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	4.809.388.389	4.853.029.919
Chi phí tổ chức bán thảo, lệ phí xuất bản sách hỗ trợ	7.744.847.064	12.197.815.744
Chi phí trả trước khác	-	765.654.068
Cộng	12.554.235.453	17.816.499.731

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí tổ chức bán thảo	683.430.000	698.470.000
Cộng	683.430.000	698.470.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.224.546.755	647.275.200	3.703.855.756	280.536.309	7.856.214.020
Mua sắm trong năm	-	-	782.531.455	-	782.531.455
Đ/tr XDCB h/thành	1.030.593.443	-	-	-	1.030.593.443
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	4.255.140.198	647.275.200	4.486.387.211	280.536.309	9.669.338.918
Khấu hao					
Số đầu năm	429.939.567	86.303.360	1.963.740.671	280.536.309	2.760.519.907
Khấu hao trong năm	699.815.605	258.910.080	843.865.583	-	1.802.591.268
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.129.755.172	345.213.440	2.807.606.254	280.536.309	4.563.111.175
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.794.607.188	560.971.840	1.740.115.085	-	5.095.694.113
Số cuối năm	3.125.385.026	302.061.760	1.678.780.957	-	5.106.227.743

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 1.602.869.837 đồng.

Giá trị còn lại của Tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2015 là 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	31-12-15		01/01/2015			
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc phòng
Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết						
- Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2 (44,2% VDL) (*)	Đang hoạt động	44,20%	44,20%	38.108.680.000	7.568.289.744	38.108.680.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (**)	Đang hoạt động	7,50%	7,50%	770.000.000	-	770.000.000
Cộng				38.878.680.000	7.568.289.744	38.878.680.000

(*) Riêng với báo cáo tài chính (trước kiểm toán) của Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2 bị lỗ, vì vậy Công ty thực hiện trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn này.

(**) Do Cổ phiếu của các Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm cuối niên kế toán. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng. Công ty cũng không có cơ sở để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Tp. Hồ Chí Minh	10.536.264.226	15.350.185.776
Công ty CP giấy Phùng Vĩnh Hưng	9.628.493.349	-
Các đối tượng khác	8.105.005.716	4.953.875.449
Cộng	28.269.763.291	20.304.061.225

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam tại TP.HCM	Chung công ty đầu tư	10.536.264.226	15.350.185.776
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo Dục	Chung công ty đầu tư	-	-
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	175.869.918
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	1.874.616.144	-
Công ty CP Thiết Bị Giáo Dục 2	Công ty liên kết	-	-
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	13.410.973	-
Cộng		12.410.880.370	15.526.055.694

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sách - TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	462.917.710	-
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	801.630.852	-
Phòng Giáo Dục và Đào Tạo Bình Đại - Bến Tre	216.768.394	-
Thầy Nguyễn Kim Long - Sở GD và Đào Tạo Lâm Đồng	-	589.165.900
Cửa hàng 231 Nguyễn Văn Cừ	320.429.657	15.427.804
Đối tượng khác	267.300.273	364.217.770
Cộng	2.069.046.886	968.811.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.235.612.351	8.901.215.242	9.623.198.281	513.629.312
Thuế Thu nhập cá nhân	1.134.933.205	2.569.160.318	2.827.436.889	876.656.634
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>2.370.545.556</u>	<u>11.473.375.560</u>	<u>12.453.635.170</u>	<u>1.390.285.946</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí bản quyền sách tiếng anh	-	85.000.000
Chi phí lãi vay	85.945.427	-
Cộng	<u>85.945.427</u>	<u>85.000.000</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	244.421.284	252.271.321
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	60.000.000	90.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.000.000.000	12.000.000.000
Phải trả khác	-	2.000.000
Cộng	<u>16.304.421.284</u>	<u>12.344.271.321</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	34.024.305.823	138.166.257.836	146.783.406.616	25.407.157.043
Ngân hàng HSBC	24.698.018.530	97.836.162.262	103.127.023.749	19.407.157.043
Ngân hàng VCB	9.326.287.293	5.667.152.081	14.993.439.374	-
Ngân hàng Standard Chartered	-	26.162.943.493	20.162.943.493	6.000.000.000
Vay cá nhân	-	8.500.000.000	8.500.000.000	-
Cộng	34.024.305.823	138.166.257.836	146.783.406.616	25.407.157.043

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	80.000.000.000	-	24.845.371.904	1.886.452.483	3.219.290.762
Tăng trong năm	-	-	17.659.027.684	-	24.299.253.665
Giảm trong năm	-	-	-	-	24.299.253.665
Số dư tại 31/12/2014	80.000.000.000	-	42.504.399.588	1.886.452.483	3.219.290.762
Số dư tại 01/01/2015	80.000.000.000	-	42.504.399.588	1.886.452.483	3.219.290.762
Tăng trong năm	20.000.000.000	-	9.315.863.002	-	29.783.368.238
Giảm trong năm	-	71.500.000	-	-	33.002.659.000
Số dư tại 31/12/2015	100.000.000.000	(71.500.000)	51.820.262.590	1.886.452.483	-

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Các cổ đông	Số dư tại ngày 01/01/2015	Tăng do phát hành riêng lẻ	Số dư tại ngày 31/12/2015
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.390.000.000	20.000.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	56.610.000.000	-	56.610.000.000
Cộng	80.000.000.000	20.000.000.000	100.000.000.000

Từ ngày 11/05/2015 đến ngày 14/05/2014, Công ty đã thực hiện chào bán riêng lẻ 2.000.000 cổ phiếu cho Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Ngày 09/07/2015, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số số 417/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết bổ sung số cổ phiếu này. Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp vào ngày 23/11/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2015	01/01/2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	3.219.290.762	3.219.290.762
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	29.783.368.238	24.299.253.665
Phân phối lợi nhuận	33.002.659.000	24.299.253.665
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	3.219.290.762	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	3.219.290.762	-
Phân phối lợi nhuận kỳ này	29.783.368.238	24.299.253.665
- Trích quỹ đầu tư phát triển	9.315.863.002	6.224.440.249
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	2.429.925.367
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	4.467.505.236	3.644.888.049
- Chia cổ tức cho cổ đông	16.000.000.000	12.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	3.219.290.762

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết số 506/NQ ngày 31/12/2014 của Hội đồng quản trị và được phê duyệt theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 55/NQ-ĐHCD ngày 06/02/2015.

Công ty tạm phân phối lợi nhuận (trả cổ tức) năm 2015 theo Nghị quyết số 451/NQ ngày 10/12/2015 và Nghị quyết số 490/NQ-ĐHCD ngày 31/12/2015 của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu sách giáo khoa, bổ trợ	243.550.968.612	236.387.138.643
Doanh thu sách tham khảo	144.251.973.616	68.606.796.491
Doanh thu thiết bị giáo dục	3.881.232.170	4.811.417.572
Doanh thu khác (bán giấy)	87.634.894.459	57.514.041.396
Cộng	479.319.068.857	367.319.394.102

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Hàng bán bị trả lại	3.009.762.220	3.121.946.769
Chiết khấu thương mại	234.412.776	-
Cộng	3.244.174.996	3.121.946.769

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Sách giáo khoa, bổ trợ	178.140.777.895	175.998.973.042
Sách tham khảo	105.751.709.153	46.197.491.827
Thiết bị giáo dục	3.374.220.582	3.771.850.007
Sản phẩm khác	85.340.109.251	56.437.826.996
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	87.996.563	105.787.353
Cộng	372.694.813.444	282.511.929.225

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	341.917.657	58.011.498
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.294.706.487	92.400.000
Chiết khấu thanh toán	66.127.354	214.826.039
Cộng	1.702.751.498	365.237.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	1.937.061.852	2.800.951.193
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.451.708.325	2.467.235.443
Dự phòng tổn thất đầu tư	7.568.289.744	-
Cộng	12.957.059.921	5.268.186.636

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí vận chuyển	2.912.004.713	2.367.323.150
Tiền lương	10.642.654.719	6.356.613.231
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.043.725.685	311.643.322
Chi phí hoa hồng	3.456.390.483	2.711.525.663
Các khoản khác	12.045.325.283	13.556.242.689
Cộng	30.100.100.883	25.303.348.055

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền lương	7.706.315.488	7.204.324.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	758.865.583	983.129.005
Các khoản khác	14.908.699.266	11.435.376.773
Cộng	23.373.880.337	19.622.829.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thanh lý, phế liệu	4.090.909	327.272.728
Nhập vật tư thừa từ cắt rọc	-	1.126.875
Thu phí tham gia hội sách	-	29.090.908
Nhận tiền hỗ trợ bán hàng	28.701.797	-
Cộng	32.792.706	357.490.511

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.684.583.480	32.164.607.054
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.775.485.800	1.929.768.863
Điều chỉnh tăng	3.070.192.287	2.022.168.863
- Chi phí không hợp lệ	3.070.192.287	1.972.894.440
- Chi phí phạt thuế		49.274.423
Điều chỉnh giảm	1.294.706.487	92.400.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	1.294.706.487	92.400.000
Tổng thu nhập chịu thuế	40.460.069.280	34.094.375.917
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.901.215.242	7.865.353.389
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	8.901.215.242	7.500.762.701
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	364.590.688

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.783.368.238	24.299.253.665
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(4.467.505.236)	(3.644.888.049)
- Điều chỉnh tăng		
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	4.467.505.236	3.644.888.049
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.315.863.002	20.654.365.616
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.189.041	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.755	2.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	151.408.407.338	126.433.590.355
Chi phí nhân công	19.190.169.796	14.563.443.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.802.591.268	1.187.276.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.333.588.828	144.867.071.944
Chi phí khác bằng tiền	20.740.350.077	12.611.152.213
Cộng	330.475.107.307	299.662.534.021

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro về vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Nhà cung cấp chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Hơn nữa, các

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

mặt hàng thuộc lĩnh vực giáo dục thường có giá cả ổn định, ít biến động nên Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	28.269.763.291	-	28.269.763.291
Chi phí phải trả	85.945.427	-	85.945.427
Vay và nợ thuê tài chính	25.407.157.043	-	25.407.157.043
Phải trả khác	16.060.000.000	-	16.060.000.000
Cộng	69.822.865.761	-	69.822.865.761
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	20.304.061.225	-	20.304.061.225
Chi phí phải trả	85.000.000	-	85.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	34.024.305.823	-	34.024.305.823
Phải trả khác	12.092.000.000	-	12.092.000.000
Cộng	66.505.367.048	-	66.505.367.048

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12//2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.711.841.058	-	32.711.841.058
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	36.354.471.245	-	36.354.471.245
Phải thu khác		26.450.818.698	26.450.818.698
Cộng	69.066.312.303	27.220.818.698	96.287.131.001
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.961.577.149	-	11.961.577.149
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	16.283.171.720	-	16.283.171.720
Phải thu khác	684.705.336	26.377.448.800	27.062.154.136
Cộng	28.929.454.205	27.147.448.800	56.076.903.005

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

ĐÁM
'NA'

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty liên kết
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Công ty liên kết
Công ty CP In SGK tại TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Tp Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2015	Năm 2014
Bán hàng			
Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	Cung ứng lịch, STK	840.530.398	903.885.801
Công ty CP Sách - Thiết Bị Bến Tre	Cung ứng lịch, STK	5.624.418.238	5.050.363.049
Công Ty CP Sách & Thiết Bị Bình Thuận	Cung ứng lịch, STK	8.911.149.407	10.085.122.392
Công Ty CP Sách - TB Trường Học TP. Cần Thơ	Cung ứng lịch, STK	8.201.736.379	5.263.782.720
Công Ty CP Sách - TB Trường Học Tp. HCM	Cung ứng lịch, STK	43.380.899.876	30.968.874.403
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An	Cung ứng lịch, STK	11.015.201.185	10.922.805.659
Công ty CP Sách - TB Trường Học Tiền Giang	Cung ứng lịch, STK	10.999.793.737	9.775.758.493
Công Ty Cổ Phần Sách - Thiết Bị Vĩnh Long	Cung ứng lịch, STK	5.052.836.559	5.703.935.736
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	3.667.264.423	3.957.151.473
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	10.334.770.492	11.052.565.468
Cty CP Đầu Tư Và Xuất Bản Giáo Dục	Cung ứng lịch, STK	263.807.500	179.767.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cung ứng lịch, STK	123.420.310	486.907.190
Cty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà nội	Cung ứng lịch, STK	1.155.583.909	941.776.250
Công Ty Cổ Phần Học liệu	Cung ứng lịch, STK	2.746.940.929	2.566.279.607
Công Ty CP Sách và Thiết Bị GD Miền Nam	Cung ứng lịch, STK	3.210.375.532	2.422.844.440
Cty Cổ Phần Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	997.500	55.495.125
CN tại Tp. HCM- Công Ty CP Sách Dân Tộc	Cung ứng lịch, STK	175.964.250	11.961.818
Cty CP Sách Giáo Dục tại Tp.HCM	Cung ứng lịch, STK	7.261.355.513	4.204.473.064
Công Ty CP Sách - Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng lịch, STK	3.898.002.596	1.313.874.130
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Giáo Dục 2	Cung ứng lịch, STK	6.232.580.894	5.119.523.959
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Cung ứng lịch, STK	22.025.250	151.074.201
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Cung ứng lịch, STK	12.811.553.947	10.196.924.378
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chi phí tổ chức bán thảo	28.920.836.915	-
Công ty CP DVXB GD Hà Nội	Mua SGK, STK	7.910.787.465	801.569.724
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Mua SGK, STK	12.602.747.972	10.066.696.889
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	9.740.404.681	12.823.426.954
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Mua SGK, STK	122.939.762	112.499.250
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Mua SGK, STK	5.905.887.084	3.965.302.830
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Mua giấy, tem	9.112.000	9.112.000
Công ty CP DVXB GD Gia Định	Chi phí tổ chức bán thảo	9.221.452.200	7.512.674.398
Công ty CP Học liệu	Mua đĩa CD, sách, VPP	4.816.207.720	2.383.962.238
Công ty CP ĐT & PTGD Đà Nẵng	Mua sách hỗ trợ, STK	2.149.419.912	1.869.388.160
Công ty CP ĐT & PTGD Hà Nội	Chi phí tổ chức bán thảo	2.492.665.681	3.189.098.176
	Mua sách tham khảo	38.095.373.472	14.326.447.369
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Phí xuất bản	29.249.212.057	26.129.659.685
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Mua SGK, STK	27.392.300	7.540.800
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Mua SGK, STK	6.108.000	25.634.880
Cty CP Bàn đồ - Tranh ảnh Giáo Dục	Mua SGK, STK	43.560.000	126.720.000
Công ty CP Sách Và TB Trường Học Tiền Giang	Mua SGK, STK	1.293.357.800	279.522.000
Công Ty CP Sách và TB Trường Học TP. HCM	Mua SGK, STK	166.100.480	60.265.216
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng giám đốc			
	Tiền lương của BTGD	1.661.538.000	1.161.396.000
	Tiền thưởng của HĐQT	257.611.110	581.881.000
	Tiền thù lao của HĐQT	1.056.222.217	1.112.000.000

* H.H.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	01/01/2015	01/01/2015 (Trình bày lại)
Đầu tư dài hạn khác	27.019.000.000	770.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	26.377.448.000
Tài sản dài hạn khác	128.448.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	31.069.812.153	42.504.399.588
Quỹ dự phòng tài chính	11.434.587.435	

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2014 (Trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.037	2.582



Tổng Giám đốc

Xà Thiệu Hoàng

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Phương Mai

Người lập

Phạm Lan Anh